

Số: 60/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu
quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08/9/2025 của Bộ Công an phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 147/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 20/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà

nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 633/TTr-UBND ngày 17/8/2026; Báo cáo thẩm tra số 124/BC-PC ngày 24/8/2026 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, số tiền 46.156 triệu đồng (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Nguồn kinh phí: Dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030, được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11/6/2026.

Điều 2. Phân kinh phí còn lại chưa phân bổ, số tiền 2.844 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát, tổng hợp nhu cầu phát sinh của các cơ quan, đơn vị, địa phương để phân bổ chi tiết bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, đúng đối tượng, đáp ứng các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh trong công tác phòng, chống ma túy; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo đúng quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *Sinh*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tài chính, Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Hùng
Lô Minh Hùng

PHỤ LỤC

Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị, địa phương	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	46.156	
I	Cấp tỉnh	9.560	
1	Công an tỉnh	7.510	
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.800	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	250	
II	Cấp xã	36.596	
1	Phường Tô Hiệu	410	
2	Phường Chiềng An	500	
3	Phường Chiềng Cơi	500	
4	Phường Chiềng Sinh	500	
5	Xã Chiềng Mai	484	
6	Xã Mai Sơn	483	
7	Xã Phiêng Păn	485	
8	Xã Chiềng Mung	514	
9	Xã Phiêng Cằm	400	
10	Xã Mường Chanh	483	
11	Xã Tà Hộc	330	
12	Xã Chiềng Sung	330	
13	Xã Yên Châu	50	
14	Xã Chiềng Hặc	519	
15	Xã Lóng Phiêng	484	
16	Xã Yên Sơn	330	
17	Xã Phiêng Khoài	519	
18	Phường Mộc Châu	692	
19	Phường Mộc Sơn	650	
20	Phường Vân Sơn	500	
21	Phường Thảo Nguyên	484	

STT	Đơn vị, địa phương	Số tiền	Ghi chú
22	Xã Đoàn Kết	346	
23	Xã Lóng Sập	967	
24	Xã Chiềng Sơn	692	
25	Xã Tân Yên	519	
26	Xã Phù Yên	510	
27	Xã Gia Phù	310	
28	Xã Tường Hạ	385	
29	Xã Mường Cơi	500	
30	Xã Mường Bang	325	
31	Xã Tân Phong	322	
32	Xã Kim Bon	485	
33	Xã Suối Tọ	382	
34	Xã Bắc Yên	484	
35	Xã Tà Xùa	519	
36	Xã Tạ Khoa	346	
37	Xã Xím Vàng	330	
38	Xã Pắc Ngà	519	
39	Xã Chiềng Sại	320	
40	Xã Mường La	519	
41	Xã Chiềng Lao	927	
42	Xã Mường Bú	450	
43	Xã Chiềng Hoa	519	
44	Xã Ngọc Chiến	645	
45	Xã Quỳnh Nhai	483	
46	Xã Mường Chiên	300	
47	Xã Mường Giôn	490	
48	Xã Mường Sại	346	
49	Xã Thuận Châu	485	
50	Xã Chiềng La	346	
51	Xã Nậm Lầu	484	
52	Xã Muối Nội	519	

STT	Đơn vị, địa phương	Số tiền	Ghi chú
53	Xã Mường Khiêng	519	
54	Xã Co Mạ	519	
55	Xã Bình Thuận	484	
56	Xã Mường É	519	
57	Xã Long Hẹ	519	
58	Xã Mường Bám	967	
59	Xã Bó Sinh	519	
60	Xã Chiềng Khương	519	
61	Xã Mường Hung	692	
62	Xã Chiềng Khoong	645	
63	Xã Mường Lắm	645	
64	Xã Nậm Ty	645	
65	Xã Sông Mã	480	
66	Xã Huổi Một	670	
67	Xã Chiềng Sơ	519	
68	Xã Sốp Cộp	500	
69	Xã Púng Bính	346	
70	Xã Mường Lạn	484	
71	Xã Mường Lèo	346	
72	Xã Vân Hồ	519	
73	Xã Song Khủa	300	
74	Xã Tô Múa	300	
75	Xã Xuân Nha	519	

